

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ
HẬU GIANG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 45
8. Phụ lục	46 - 49

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800506679, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 5 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 14 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
- Điện thoại : 02923.832.161

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang	Số 107, Quốc lộ 1A, ấp Phước Thạnh, xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.
Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang Chi nhánh Sóc Trăng	339, đường Bạch Đằng, phường 9, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại Phú Quốc	Số 51, đường Nguyễn Huệ, khu phố 5, phường Dương Đông, TP. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại Vĩnh Long	Số 209, đường 14 tháng 9, khóm 6, phường 5, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Mua bán phụ gia chống thấm và phụ gia ngưng kết bê tông, nhựa đường, bê tông thương phẩm; Bốc xếp hàng hóa; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn; Đại lý khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); Đại lý bếp gas, phụ tùng bếp gas; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc trong lĩnh vực khai thác mỏ, xây dựng và khí đốt; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm khác; Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm); Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Vận tải khách đường bộ trong nội thành và ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe tải thông thường, loại khác (trừ ô tô chuyên dụng, xe container); Vận tải hành khách đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại; Luyện bột kim loại; Gia công pha sơn.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Hoàng Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2016
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2016
Ông Đào Đức Đại	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016
Bà Lâm Thị Trúc Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016
Ông Mai Bảo Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2017

Ban Kiểm toán nội bộ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Huỳnh Tú Mỹ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Thành Được	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Bà Lâm Thị Thu Hiền	Phó Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2018
Bà Lâm Anh Thư	Kiểm toán viên nội bộ	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Mai Bảo Ngọc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2020
Ông Lê Hoàng Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2020
Ông Mai Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2020
Ông Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Mai Bảo Ngọc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2020
Ông Lê Hoàng Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2020

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,




Lê Hoàng Nam
Chủ tịch

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 4.0123/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

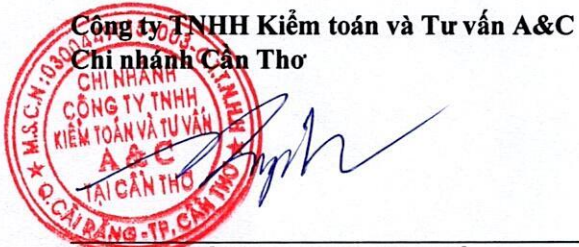
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Quốc Ngữ – Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2020-008-1



Nguyễn Thị Bé Ghi – Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2646-2018-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		472.662.529.880	381.737.891.227
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	52.708.084.659	61.554.442.451
1. Tiền	111		52.708.084.659	61.554.442.451
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.578.990.192	2.875.472.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	4.109.600.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	(2.769.128.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	6.578.990.192	1.535.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		274.089.592.917	215.350.028.903
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	114.877.480.197	127.386.944.028
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	77.062.407.721	13.332.608.649
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	87.000.000.000	80.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	9.196.949.629	7.133.629.166
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(14.047.244.630)	(13.303.152.940)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		130.865.178.520	96.185.772.642
1. Hàng tồn kho	141	V.8	130.865.178.520	96.185.772.642
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.420.683.592	5.772.175.231
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	420.303.878	1.011.501.553
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.000.379.714	4.760.673.678
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.26	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		239.569.731.367	189.052.640.088
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		522.742.243	503.930.400
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	125.242.243	181.430.400
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	397.500.000	322.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		113.851.455.143	99.155.600.272
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	31.068.606.850	15.331.612.324
- Nguyên giá	222		71.450.503.052	51.469.514.544
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.381.896.202)	(36.137.902.220)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	82.782.848.293	83.823.987.948
- Nguyên giá	228		93.914.036.322	93.914.036.322
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.131.188.029)	(10.090.048.374)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	8.937.655.702	9.376.310.709
- Nguyên giá	231		13.926.703.096	13.926.703.096
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.989.047.394)	(4.550.392.387)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		408.022.418	1.881.272.827
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	408.022.418	1.881.272.827
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		114.407.465.000	76.828.890.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	114.407.465.000	76.828.890.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.442.390.861	1.306.635.880
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.442.153.588	1.306.635.880
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	237.273	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		712.232.261.247	570.790.531.315

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		609.053.395.271	474.918.358.561
I. Nợ ngắn hạn	310		461.649.756.800	376.189.196.609
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	154.441.619.656	162.567.723.532
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	674.808.729	2.354.350.616
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	1.631.836.435	873.589.705
4. Phải trả người lao động	314	V.18	6.723.051.248	3.406.902.329
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	2.640.181.098	552.995.089
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20a	317.544.429	360.964.451
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	1.888.860.628	1.488.650.231
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	291.584.058.631	202.517.177.177
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	1.747.795.946	2.066.843.479
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		147.403.638.471	98.729.161.952
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20b	372.744.834	372.744.834
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	1.386.000.000	831.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	145.644.893.637	97.525.417.118
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG


Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

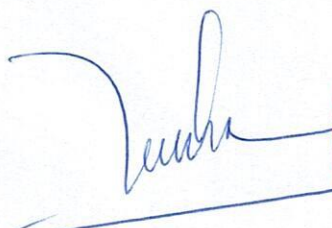
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.178.865.976	95.872.172.754
I. Vốn chủ sở hữu	410		103.178.865.976	95.872.172.754
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24a	62.253.990.000	62.253.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		62.253.990.000	62.253.990.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24a	622.500.000	622.500.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24a	32.874.131.721	27.056.321.055
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24a	7.428.244.255	5.939.361.699
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.746.244.727)	5.939.361.699
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		12.174.488.982	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		712.232.261.247	570.790.531.315


 Lâm Thị Thu Hiền
 Người lập


 Lâm Thị Trúc Hà
 Kế toán trưởng


 Mai Bảo Ngọc
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

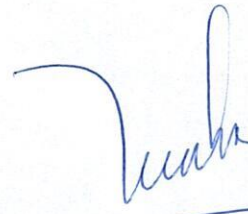
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.153.421.003.990	2.064.940.040.981
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	288.021.400	2.272.801.723
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.153.132.982.590	2.062.667.239.258
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.071.034.249.768	1.991.969.165.874
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82.098.732.822	70.698.073.384
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	9.445.571.573	7.712.839.396
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	15.528.504.350	14.386.044.353
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.670.569.867	13.294.430.052
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	36.766.905.426	35.054.254.429
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	19.647.592.978	18.863.263.684
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.601.301.641	10.107.350.314
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.926.727.710	2.676.381.372
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.219.901.422	577.371.768
13. Lợi nhuận khác	40		706.826.288	2.099.009.604
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.308.127.929	12.206.359.918
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	5.021.176.720	2.264.636.980
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(237.273)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>15.287.188.482</u>	<u>9.941.722.938</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	-	-


Lâm Thị Thu Hiền
Người lập


Lâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng


Mai Bảo Ngọc
Tổng Giám đốc



TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.308.127.929	12.206.359.918
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư				
- Các khoản dự phòng	02	V.10,V.11,V.12	5.723.788.644	4.625.738.951
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03		(2.025.036.310)	4.000.935.795
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	04		-	-
- Chi phí lãi vay	05	VI.4	(7.216.248.731)	(4.717.704.781)
- Các khoản điều chỉnh khác	06	VI.5	16.670.569.867	13.294.430.052
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	07		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu	08		33.461.201.399	29.409.759.935
- Tăng, giảm hàng tồn kho	09		(55.585.500.542)	(5.403.301.278)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	10		(34.679.405.878)	(52.987.061.041)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	11		(5.453.500.808)	26.246.477.165
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	12		455.679.967	(656.985.225)
- Tiền lãi vay đã trả	13		4.109.600.000	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(14.566.929.082)	(12.852.681.587)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.17	(4.547.034.676)	(54.600.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(1.288.682.644)	(679.038.540)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(78.094.572.264)	(16.977.430.571)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10,V.13	(18.507.738.099)	(24.457.244.632)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	622.727.274
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.187.802.035)	(97.761.788.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	54.745.357.600
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(37.578.575.000)	(25.033.942.572)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	11.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a,VI.4	6.203.387.533	3.440.919.035
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(61.070.727.601)	(77.443.971.295)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

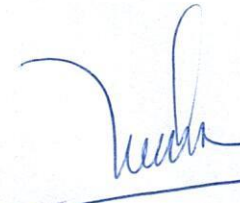
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22a,V.22b	2.233.596.117.543	2.262.457.929.956
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22a,V.22b	(2.096.409.759.570)	(2.175.731.452.803)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24d	(6.867.415.900)	(8.066.355.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		130.318.942.073	78.660.121.953
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	V.1	(8.846.357.792)	(15.761.279.913)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		61.554.442.451	77.315.722.364
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	52.708.084.659	61.554.442.451



Lâm Thị Thu Hiền
Người lập



Lâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Mai Bảo Ngọc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán phụ gia chống thấm và phụ gia ngưng kết bê tông, nhựa đường, bê tông thương phẩm; Bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn; Đại lý khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); Đại lý bếp gas, phụ tùng bếp gas; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn sơn, vêt ni; Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, Công ty đã chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại TP. Hồ Chí Minh.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Hàng Tiêu dùng Hamaco	8A, Cách mạng tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Hamaco Petro	55, Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn, khí hóa lỏng (LPG)	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Hamaco Vị Thanh	Số 34/9 Quốc lộ 61, Ấp Mỹ Hiệp 1, xã Tân Tiến, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Bán buôn vật liệu xây dựng, dầu nhớt công nghiệp; Kinh doanh cho thuê kho bãi	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco	C22, đường Lê Hồng Phong, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	81,26%	81,26%	81,26%
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh	KCN Sóng Hậu – Giai	Sản xuất xi măng,	100%	100%	100%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Hamaco	đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	vôi và thạch cao, kho bãi và lưu giữ hàng hóa			

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang	Số 107, Quốc lộ 1A, ấp Phước Thạnh, xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.
Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang Chi nhánh Sóc Trăng	339, đường Bạch Đằng, phường 9, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại Phú Quốc	Số 51, đường Nguyễn Huệ, khu phố 5, phường Dương Đông, TP. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại Vĩnh Long	Số 209, đường 14 tháng 9, khóm 6, phường 5, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty đều hạch toán báo số.

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 109 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 116 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ Kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có Quyền sử dụng đất:

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 10 - 53 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	48-52
Nhà	06-10

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ gồm chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	19.856.447.045	15.029.569.083
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.851.637.614	46.524.873.368
Cộng	<u>52.708.084.659</u>	<u>61.554.442.451</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Cổ phiếu</i>						
Công ty Cổ phần thép Pomina	-	-	-	4.109.600.000	1.340.472.000	(2.769.128.000)
Cộng	-	-	-	<u>4.109.600.000</u>	<u>1.340.472.000</u>	<u>(2.769.128.000)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.769.128.000	2.257.514.520
Trích lập dự phòng bổ sung	-	511.613.480
Hoàn nhập dự phòng	(2.769.128.000)	-
Số cuối năm	-	<u>2.769.128.000</u>

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	6.578.990.192	6.578.990.192	1.535.000.000	1.535.000.000
Cộng	<u>6.578.990.192</u>	<u>6.578.990.192</u>	<u>1.535.000.000</u>	<u>1.535.000.000</u>

(*) Tiền gửi kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con			-			-
Công ty TNHH MTV Hàng Tiêu dùng Hamaco ⁽ⁱ⁾	10.000.000.000	-	-	5.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Hamaco Petro ⁽ⁱⁱ⁾	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Hamaco Vị Thanh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	4.000.000.000			4.000.000.000		
Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco ^(iv)	78.407.465.000	-	-	60.828.890.000	-	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco ^(v)	15.000.000.000	-	-	-	-	-
Cộng	114.407.465.000	-	-	76.828.890.000	-	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801113092, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 02 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20 tháng 02 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Hàng Tiêu dùng Hamaco 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ (số đầu năm là 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801115004, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Hamaco Petro 7.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 7.000.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ (số đầu năm là 7.000.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ).

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300285815, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 3 năm 2017 và thay đổi lần thứ 03 ngày 13 tháng 6 năm 2019 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Hamaco Vị Thanh 4.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ (số đầu năm là 4.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ).

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801071438, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 9 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 28 tháng 5 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco 6.906.690 cổ phiếu, tương đương 81,26% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 6.906.690 cổ phiếu, tương đương 81,26% vốn điều lệ (số đầu năm là 5.734.785 cổ phiếu, tương đương 67,47% vốn điều lệ).

(v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300330507, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco 15.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn đăng ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các Công ty con

Các Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước. Riêng Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco, năm 2020 là năm tài chính đầu tiên.

Giao dịch với các Công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các Công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Hàng Tiêu dùng Hamaco		
Mua hàng hóa	54.657.634	-
Góp vốn đầu tư	5.000.000.000	3.222.822.572
Cho vay	-	16.800.000.000
Lãi tiền cho vay	490.561.644	-
Công ty TNHH MTV Hamaco Petro		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	2.692.891
Mua hàng hóa	28.224.958.361	393.322.374
Nhận tiền mượn	1.200.000.000	-
Cho vay	2.500.000.000	10.500.000.000
Lãi tiền cho vay	12.636.986	481.025.959
Chi phí lãi vay	9.616.438	438.000.000
Góp vốn đầu tư	-	475.000.000
Lợi nhuận nhận được	-	605.053.083
Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco		
Doanh thu bán hàng hóa	69.455.295.702	76.314.130.781
Doanh thu cho thuê	850.909.091	109.090.908
Mua hàng hóa	1.168.479.545	-
Phí thuê cân	-	5.454.546
Góp vốn mua cổ phần	17.578.575.000	21.336.120.000
Cổ tức nhận được	5.472.024.000	1.800.586.500
Cho vay	-	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV Hamaco Vị Thanh		
Doanh thu bán hàng hóa	164.878.803.975	112.859.728.226
Mua hàng hóa	27.226.676	4.371.820
Chi phí lãi vay phải trả	-	619.068.493
Thu hồi vốn góp	-	(11.000.000.000)
Doanh thu cho thuê	120.000.000	120.000.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco		
Góp vốn đầu tư	15.000.000.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco	35.930.236.953	37.515.665.744
Công ty TNHH MTV Bê tông Hamaco - Hậu Giang	-	28.990.901.084
	18.918.283.597	19.181.250

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đại Việt	2.817.476.731	2.855.264.390
Công ty TNHH MTV Hamaco Vị Thanh	14.194.476.625	5.650.319.020
Phải thu các khách hàng khác	78.947.243.244	89.871.278.284
Công ty TNHH Thương mại Đặng Hưng Phát	4.373.930.824	4.373.930.824
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp và Xây dựng Việt Úc	360.101.420	5.432.916.794
Công ty TNHH Thương Mại - Dịch vụ - Kỹ thuật Đức Hùng	2.441.245.995	3.024.162.700
Công ty TNHH Đầu tư Tư vấn Xây dựng Thương mại Tín Phát	3.859.138.088	3.859.138.088
Các khách hàng khác	67.912.826.917	73.181.129.878
Cộng	114.877.480.197	127.386.944.028
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác		
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	-	3.832.501.301
Công ty TNHH Bất động sản An Khương	59.431.050.000	-
Chi nhánh Công ty Xi măng Nghi Sơn tại TP. Hồ Chí Minh	8.680.625.754	8.167.901.348
Các nhà cung cấp khác	8.950.731.967	1.332.206.000
Cộng	77.062.407.721	13.332.608.649
5. Phải thu về cho vay		
5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho các bên liên quan vay	4.000.000.000	16.800.000.000
Công ty TNHH MTV Hàng Tiêu dùng Hamaco vay với lãi suất 7.5%/năm	4.000.000.000	16.800.000.000
Cho các cá nhân khác vay	83.000.000.000	64.000.000.000
Cho Ông Nguyễn Trọng Nghĩa vay với lãi suất 8.7%/năm	19.900.000.000	20.000.000.000
Cho Ông Châu Phạm Phi Long vay với lãi suất 8.7%/năm	27.600.000.000	19.000.000.000
Cho Ông Lương Văn Sĩ vay với lãi suất 8.7%/năm	19.700.000.000	10.000.000.000
Cho Ông Võ Thanh Bình vay với lãi suất 8.7%/năm	15.800.000.000	15.000.000.000
Cộng	87.000.000.000	80.800.000.000
5b. Phải thu về cho vay dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho các cá nhân khác vay		
Cho Lâm Quang Thanh vay với lãi suất 11%/năm	125.242.243	181.430.400
Cộng	125.242.243	181.430.400

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	503.198.630	-	481.025.959	-
Công ty TNHH MTV Hamaco Petro - Tiền lãi cho vay	12.636.986	-	481.025.959	-
Công ty TNHH MTV Hàng Tiêu dùng Hamaco - Tiền lãi cho vay	490.561.644	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.693.750.999	-	6.652.603.207	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	229.244.901	-	78.036.849	-
Tiền lãi cho vay	934.858.625	-	73.205.479	-
Chiết khấu còn phải thu	7.071.757.962	-	6.183.466.945	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	457.889.511	-	317.893.934	-
Cộng	9.196.949.629	-	7.133.629.166	-

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	397.500.000	-	322.500.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	397.500.000	-	322.500.000	-
Cộng	397.500.000	-	322.500.000	-

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm			Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Thép Đức Phúc Thịnh - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	2.579.204.578	-	Trên 3 năm	2.579.204.578	-
Công ty TNHH Thương mại Thép Minh Phát - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	2.012.478.347	-	Trên 3 năm	2.012.478.347	-
Công ty TNHH Đầu tư Tư vấn Xây dựng Thương mại Tín Phát - Phải thu tiền bán hàng	Từ 2 đến 3 năm	3.859.138.088	1.157.741.426	Từ 1 đến 2 năm	3.859.138.088	1.929.569.044
Công ty TNHH Thương mại Đặng Hưng Phát - Phải thu tiền	Từ 2 đến 3 năm	4.373.930.824	1.312.179.247	Từ 1 đến 2 năm	4.373.930.824	2.186.965.412

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
bán hàng						
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Phải thu tiền bán hàng	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	5.128.221.776	1.435.808.310	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	5.712.981.599	1.118.046.040
Cộng		17.952.973.613	3.905.728.983		18.537.733.436	5.234.580.496

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.303.152.940	9.813.830.625
Trích lập dự phòng bổ sung	744.091.690	3.489.322.315
Số cuối năm	14.047.244.630	13.303.152.940

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	712.339.880	-	18.547.995.600	-
Hàng hóa	130.152.838.640	-	77.637.777.042	-
Cộng	130.865.178.520	-	96.185.772.642	-

Toàn bộ hàng hóa tồn kho cuối 31/12/2020 với số tiền 130.152.838.640 VND (Số cuối năm trước là 77.637.777.042 VND) được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (xem thuyết minh V.22a).

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	87.491.225	18.915.454
Chi phí thuê kho	60.908.275	95.454.545
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	271.904.378	897.131.554
Cộng	420.303.878	1.011.501.553

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	308.917.606	99.280.516
Chi phí sửa chữa	1.003.739.817	1.207.355.364
Các chi phí trả trước dài hạn khác	129.496.165	-
Cộng	1.442.153.588	1.306.635.880

10. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem ở phụ lục 01 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2020 là 9.860.733.370 VND (số đầu năm là 12.010.880.974 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt - Chi nhánh Cần Thơ (xem thuyết minh V.22a).

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	93.914.036.322
Số cuối năm	<u>93.914.036.322</u>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	829.133.318
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	10.090.048.374
Khấu hao trong năm	1.041.139.655
Số cuối năm	<u>11.131.188.029</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	83.823.987.948
Số cuối năm	<u>82.782.848.293</u>

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2020 là 81.978.848.293 VND (số đầu năm là 83.019.987.948 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh V.22a).

12. Bất động sản đầu tư cho thuê

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà và quyền sử dụng đất</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	12.062.207.207	1.864.495.889	13.926.703.096
Số cuối năm	<u>12.062.207.207</u>	<u>1.864.495.889</u>	<u>13.926.703.096</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	331.974.565	331.974.565
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.928.969.073	621.423.314	4.550.392.387
Khấu hao trong năm	231.911.076	201.202.791	433.113.867
Từ tài sản cố định hữu hình chuyển sang	-	5.541.140	5.541.140
Số cuối năm	<u>4.160.880.149</u>	<u>828.167.245</u>	<u>4.989.047.394</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.133.238.134	1.243.072.575	9.376.310.709
Số cuối năm	<u>7.901.327.058</u>	<u>1.036.328.644</u>	<u>8.937.655.702</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	1.462.915.167	13.503.959.523	(14.960.220.235)	-	6.654.455
- Công trình nhà kho chi nhánh Vĩnh Long	-	5.114.975.985	(5.114.975.985)	-	-
- Công trình nhà kho chi nhánh Sóc Trăng	-	5.209.937.629	(5.209.937.629)	-	-
- Công trình nhà kho tại đường Cách mạng tháng 8	1.462.915.167	3.172.391.454	(4.635.306.621)	-	-
- Công trình khác	-	6.654.455	-	-	6.654.455
Sửa chữa lớn tài sản cố định	418.357.660	661.327.900	-	(678.317.597)	401.367.963
Cộng	1.881.272.827	14.165.287.423	(14.960.220.235)	(678.317.597)	408.022.418

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản trích trước chi phí phải trả chưa có hóa đơn.

Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	237.273	-
Số cuối năm	237.273	-

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	8.366.319.571	456.768.351
Công ty TNHH MTV Hamaco Petro	8.343.233.944	18.644.900
Công ty TNHH Đại Việt	23.085.627	82.324.325
Công ty TNHH MTV Bê tông Hamaco Hậu Giang	-	355.799.126
Phải trả các nhà cung cấp khác	146.075.300.085	162.110.955.181
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	2.251.826.249	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	48.671.937.096	41.286.154.120
Chi nhánh Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên tại Bình Dương	39.326.444.436	49.328.135.715
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	21.184.665.590	25.584.093.733
Các nhà cung cấp khác	34.640.426.714	45.912.571.613
Cộng	154.441.619.656	162.567.723.532

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	1.004.489.465
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	-	963.412.670
Công ty TNHH MTV Hamaco Vị Thanh	-	41.076.795
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	674.808.729	1.349.861.151
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Mỹ Hưng	92.044.000	-
Ông Lương Thế Tài	107.878.550	-
Ông Đặng Phú Cường	89.236.000	-
Các nhà cung cấp khác	385.650.179	1.349.861.151
Cộng	674.808.729	2.354.350.616

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.308.127.929	12.206.359.918
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.157.324.736	1.249.464.565
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	24.465.452.665	13.455.824.483
Thu nhập được miễn thuế	(5.472.024.000)	(2.405.639.583)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	18.993.428.665	11.050.184.900
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.798.685.733	2.210.036.980
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	1.222.490.987	54.600.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.021.176.720	2.264.636.980

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng với mức phí thuê theo quy định trong hợp đồng thuê đất.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	992.957.134	18.720.550
Công ty TNHH MTV Bê tông Hamaco – Hậu Giang – Chi phí lãi vay phải trả	-	6.883.562
Bà Trần Thị Phụng – Chi phí lãi vay phải trả	74.315.616	3.087.945
Bà Đào Thị Vũng – Chi phí lãi vay phải trả	239.852.477	8.749.043
Bà Vũ Thị Thùy – Chi phí lãi vay phải trả	678.789.041	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.647.223.964	534.274.539
Chi phí lãi vay phải trả	1.646.037.600	516.633.399
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.186.364	17.641.140
Cộng	2.640.181.098	552.995.089

20. Doanh thu chưa thực hiện**20a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác		
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	317.544.429	360.964.451
Cộng	317.544.429	360.964.451

20b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác		
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	372.744.834	372.744.834
Cộng	372.744.834	372.744.834

21. Phải trả khác**21a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	42.829.864	619.068.493
Công ty TNHH MTV Hamaco Vị Thanh - Lãi vay	-	619.068.493

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
phải trả		
Công ty TNHH MTV Hamaco Petro - Lãi vay	9.616.438	-
phải trả	15.629.847	-
Ông Đào Đức Đại - Thù lao phải trả	17.583.579	-
Ông Phạm Ngọc Minh - Thù lao phải trả	1.846.030.764	869.581.738
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.846.030.764	869.581.738
Kinh phí công đoàn	320.840.998	151.856.582
Công ty TNHH Sơn Akzo Nobel Việt Nam - Chiết khấu thương mại	1.206.803.840	-
Cổ tức phải trả	13.200.000	32.677.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	305.185.926	685.048.156
Cộng	1.888.860.628	1.488.650.231

21b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược	1.386.000.000	831.000.000
Cộng	1.386.000.000	831.000.000

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay**22a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	291.584.058.631	202.517.177.177
Vay ngắn hạn ngân hàng	288.644.058.631	199.300.403.177
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	109.999.640.803	94.999.963.455
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾	148.644.417.828	104.300.439.722
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	30.000.000.000	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	276.774.000
- Vay Ông Nguyễn Phú Mãi	-	225.000.000
- Vay Ông Nguyễn Hoàng Cầm	-	51.774.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	2.940.000.000	2.940.000.000
Cộng	291.584.058.631	202.517.177.177

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, tối đa 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn tối đa 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định và hàng hóa tồn kho (xem thuyết minh số V.8, V.10 và V.11).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn tối đa 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.10 và V.11).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm được trình bày ở phụ lục 03 đính kèm.

22b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	15.102.062.527	13.746.762.252
Vay Công ty TNHH MTV Bê tông Hamaco - Hậu Giang	-	11.000.000.000
- Vay Bà Trần Thị Phụng ⁽ⁱⁱ⁾	1.380.000.000	510.000.000
- Vay Ông Đào Văn Đoàn ⁽ⁱⁱ⁾	5.000.000	-
- Vay Bà Không Liên Phương ⁽ⁱⁱ⁾	555.891.336	14.341.336
- Vay Bà Lâm Thị Trúc Hà ⁽ⁱⁱ⁾	60.000.000	-
- Vay Ông Lê Hoàng Nam ⁽ⁱⁱ⁾	134.852.132	104.176.857
- Vay Ông Mai Bảo Ngọc ⁽ⁱⁱ⁾	1.905.403	1.905.403
- Vay Bà Nguyễn Kim Diệu ⁽ⁱⁱ⁾	652.130.240	452.130.240
- Vay Ông Nguyễn Thanh Hào ⁽ⁱⁱ⁾	-	210.000.000
- Vay Bà Đào Thị Vững ⁽ⁱⁱ⁾	3.762.283.416	1.454.208.416
- Vay Bà Vũ Thị Thùy ⁽ⁱⁱ⁾	8.550.000.000	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	130.542.831.110	83.778.654.866
Vay dài hạn ngân hàng	7.350.000.000	10.290.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	7.350.000.000	10.290.000.000
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	123.192.831.110	73.488.654.866
- Vay Ông Phan Ngọc Yên	26.600.000.000	14.000.000.000
- Vay Bà Hà Thị Hồng Sinh	24.781.607.513	9.004.635.538
- Vay Bà Vũ Thị Lan Phương	18.955.508.000	18.082.528.000
- Vay Bà Nguyễn Hoàng Xuân Quyên	17.103.000.000	3.660.000.000
Vay dài hạn các cá nhân khác	35.752.715.597	28.741.491.328
Cộng	145.644.893.637	97.525.417.118

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà kho Vĩnh Long, với lãi suất biến động, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11).
- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của nhân viên Công ty để bổ sung vốn với lãi suất biến động theo lãi suất của Ngân hàng, thời hạn vay 25 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>
Số cuối năm			
Vay dài hạn ngân hàng	10.290.000.000	2.940.000.000	7.350.000.000
Vay dài hạn các cá nhân	138.294.893.637	-	138.294.893.637
Cộng	148.584.893.637	2.940.000.000	145.644.893.637
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	13.230.000.000	2.940.000.000	10.290.000.000
Vay dài hạn các cá nhân	87.235.417.118	-	87.235.417.118
Cộng	100.465.417.118	2.940.000.000	97.525.417.118

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển</u>		<u>Số cuối năm</u>
			<u>sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	
Vay dài hạn ngân hàng	10.290.000.000	-	(2.940.000.000)	-	7.350.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	11.000.000.000	-	-	(11.000.000.000)	-
Vay dài hạn các cá nhân	76.235.417.118	169.326.429.162	-	(107.266.952.643)	138.294.893.637
Cộng	97.525.417.118	169.326.429.162	(2.940.000.000)	(118.266.952.643)	145.644.893.637

22c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.214.062.722	484.817.555	(595.000.000)	1.103.880.277
Quỹ phúc lợi	852.780.757	484.817.556	(693.682.644)	643.915.669
Cộng	2.066.843.479	969.635.111	(1.288.682.644)	1.747.795.946

24. Vốn chủ sở hữu**24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu xem phụ lục 04 đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Lương Văn Sĩ	2.835.710.000	2.804.710.000
Ông Lê Văn Chung	1.928.680.000	1.928.680.000
Bà Vũ Thị Thùy	2.126.050.000	2.126.050.000
Các cổ đông khác	55.471.550.000	55.471.550.000
Cộng	62.253.990.000	62.253.990.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**24c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.225.399	6.225.399
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.225.399	6.225.399
- Cổ phiếu phổ thông	6.225.399	6.225.399
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.225.399	6.225.399
- Cổ phiếu phổ thông	6.225.399	6.225.399
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết số 01-NQ/ĐHĐCĐ.2020 ngày 27 tháng 6 năm 2020 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (12%/mệnh giá)	7.470.478.800
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30%)	5.817.810.666
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%)	969.635.111
• Thù lao Hội đồng quản trị	484.817.556

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2020 cho các cổ đông với số tiền 3.112.699.500 VND (5%/mệnh giá) theo Nghị quyết số 05/QĐ-HĐQT.20 ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng quản trị.

Trong năm Công ty đã trả cổ tức như sau:

	VND
Chi cổ tức 2019	3.758.165.400
Tạm chi cổ tức 2020	3.109.250.500
Cộng	6.867.415.900

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**25a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	1.575.462.688	1.995.462.688
Trên 01 năm đến 05 năm	5.461.850.751	5.671.850.751
Trên 05 năm	21.961.009.201	23.326.471.889
Cộng	28.998.322.641	30.993.785.328

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty phải nộp tiền thuê đất như sau:

- Đất thuê tại đường Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ với mức tiền thuê 9.600.000 VND/m² cho diện tích 3.726 m². Tiền thuê đất được trả hằng năm theo thông báo của cơ quan thuế.
- Đất thuê tại lô 11/18A Khu Công nghiệp Trà Nóc, TP. Cần Thơ với mức tiền thuê 0,66 VND/m²/năm và phí sử dụng cơ sở hạ tầng: 0,3 USD/m²/năm cho diện tích 9.868,9 m² đất đang sử dụng. Thời hạn thuê 47 năm từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 20/3/2053.
- Đất thuê tại số 51, Nguyễn Huệ, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với mức tiền thuê 52,5 triệu đồng/tháng cho diện tích 2.549 m² đất đang sử dụng. Thời hạn thuê 05 năm từ ngày 02/6/2015 đến hết ngày 28/4/2020.
- Đất thuê tại ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với mức tiền thuê 50 triệu đồng/tháng cho diện tích 1.000 m² đất đang sử dụng. Thời hạn thuê 10 năm từ ngày 01/8/2017 đến hết ngày 01/8/2027.

26. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Ông Lữ Đình Nam	195.358.750	-	Nhân viên đã nghỉ việc và không đồng ý thanh toán
Ông Nguyễn Tấn Biểu	50.000.000	-	Nhân viên đã nghỉ việc và không đồng ý thanh toán
Các cá nhân khác	154.150.324	-	Khách hàng không thanh toán và không liên lạc được
Cộng	399.509.074	-	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	2.146.132.233.432	2.055.399.675.275
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.288.770.558	9.540.365.706
Cộng	2.153.421.003.990	2.064.940.040.981

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên qua khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Doanh thu bán hàng hóa	82.055.273	-
Công ty TNHH MTV Bê tông Hamaco - Hậu Giang		
Doanh thu bán hàng hóa	94.432.136.913	39.227.543.378
Dịch vụ vận chuyên	37.057.631	2.000.000
Công ty TNHH Đại Việt		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	136.041.610.692	93.534.926.602

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức		
Doanh thu bán hàng hóa	14.975.360.026	4.465.474.188
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	288.021.400	2.272.801.723
Cộng	288.021.400	2.272.801.723
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.070.601.135.901	1.991.753.760.888
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	433.113.867	215.404.986
Cộng	2.071.034.249.768	1.991.969.165.874
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	70.261.258	113.036.849
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	18.094.101	24.025.653
Lãi tiền cho vay	1.673.963.473	1.576.301.075
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.472.024.000	2.405.639.583
Chiết khấu thanh toán	2.211.228.741	3.587.278.948
Doanh thu tài chính khác	-	6.557.288
Cộng	9.445.571.573	7.712.839.396
5. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay ngân hàng	14.279.194.997	10.841.288.369
Chi phí lãi vay cá nhân	2.391.374.870	2.453.141.683
Lãi mua hàng trả chậm	27.223.984	-
Chiết khấu thanh toán	661.197.044	527.524.571
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	52.476.250
Lỗ do chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép Pomina	938.641.455	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(2.769.128.000)	511.613.480
Cộng	15.528.504.350	14.386.044.353
6. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	16.149.959.874	14.011.664.839
Chi phí vật liệu, bao bì	951.765.567	1.024.268.856
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	584.653.845	328.088.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.994.733.606	17.634.493.531
Các chi phí khác	2.085.792.534	2.055.738.863

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANGĐịa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	36.766.905.426	35.054.254.429
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.108.862.297	6.158.999.991
Chi phí vật liệu quản lý	30.997.467	45.509.543
Chi phí đồ dùng văn phòng	177.660.532	166.090.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.290.674.777	4.410.333.965
Thuế, phí và lệ phí	1.946.551.892	1.435.714.709
Dự phòng phải thu khó đòi	744.091.690	3.489.322.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.796.773.802	1.592.991.346
Các chi phí khác	1.551.980.521	1.564.301.769
Cộng	19.647.592.978	18.863.263.684
8. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	622.727.274
Thanh lý công cụ, dụng cụ	-	10.454.545
Thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	1.600.883.920	1.856.504.341
Thu lãi quá hạn	284.431.143	26.673.435
Xử lý công nợ	41.412.647	160.021.777
Cộng	1.926.727.710	2.676.381.372
9. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	28.735.053
Thuế bị phạt, bị truy thu	407.718.313	106.920.220
Lãi chậm trả	410.968.793	-
Xử lý công nợ	399.509.074	-
Chi phí khác	1.705.242	441.716.495
Cộng	1.219.901.422	577.371.768
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(237.273)	-
Cộng	(237.273)	-
11. Lãi trên cổ phiếu		
Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.745.077.411	1.563.956.785

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	24.258.822.171	20.170.664.830
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.723.788.644	4.625.738.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.738.059.300	20.663.199.586
Chi phí khác	4.381.864.745	7.109.362.947
Cộng	56.847.612.271	54.132.923.099

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Vay vốn	3.830.737.275	106.082.260
Trả nợ vay	(3.740.062.000)	(95.075.196)
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Vay vốn	23.692.625.000	2.820.679.992
Trả nợ vay	(11.428.000.000)	(2.619.715.541)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.19, V.21a và V.22b.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm toán nội bộ

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Ông Lê Hoàng Nam - Chủ tịch Hội đồng quản trị	492.240.000	40.020.000	95.836.029	628.096.029
Ông Phạm Ngọc Minh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	86.252.426	86.252.426
Ông Mai Bảo Ngọc - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám	480.240.000	34.020.000	76.668.823	590.928.823

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
đốc				
Bà Lâm Thị Trúc Hà - Thành viên Hội đồng quản trị	413.040.000	33.420.000	76.668.823	523.128.823
Ông Đào Đức Đại - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	76.668.823	76.668.823
Bà Huỳnh Tú Mỹ - Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	143.520.000	-	-	143.520.000
Ông Nguyễn Thành Được - Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	143.520.000	23.420.000	42.128.974	209.068.974
Bà Lâm Thị Thu Hiền - Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	183.840.000	14.820.000	12.036.850	210.696.850
Bà Lâm Anh Thư - Kiểm toán viên nội bộ	99.396.240	8.120.000	12.036.850	119.553.090
Ông Huỳnh Việt Hùng - Thư ký Hội đồng quản trị	227.040.000	18.420.000	6.519.958	251.979.958
Ông Phạm Văn Hùng - Phó Tổng Giám đốc	420.240.000	15.000.000	-	435.240.000
Cộng	2.603.076.240	187.240.000	484.817.556	3.275.133.796

Năm trước

Ông Lê Hoàng Nam - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	376.778.652	42.083.780	65.362.426	484.224.858
Ông Phạm Ngọc Minh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	58.826.183	58.826.183
Ông Mai Bảo Ngọc - Thành viên Hội đồng quản trị	335.338.266	38.374.520	52.289.940	426.002.726
Bà Lâm Thị Trúc Hà - Thành viên Hội đồng quản trị	288.221.586	43.257.080	52.289.940	383.768.606
Ông Đào Đức Đại - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	52.289.940	52.289.940
Ông Nguyễn Thành Được - Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	223.857.462	36.535.160	-	260.392.622
Bà Lâm Thị Thu Hiền - Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	153.633.426	14.103.500	-	167.736.926
Bà Lâm Anh Thư - Kiểm toán viên nội bộ	84.945.018	23.874.884	-	108.819.902
Ông Huỳnh Việt Hùng - Thư ký Hội đồng quản trị	211.479.090	38.429.400	-	249.908.490
Ông Phạm Văn Hùng - Phó Tổng Giám đốc	328.171.746	37.018.240	-	365.189.986
Cộng	2.002.425.246	273.676.564	281.058.429	2.557.160.239

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Hàng Tiêu dùng Hamaco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hamaco Petro	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hamaco Vị Thanh	Công ty con

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bê tông Hamaco - Hậu Giang	Công ty con của Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco
Công ty TNHH Đại Việt	Công ty có vốn góp của chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Công ty có vốn góp của chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Cửu Long	Công ty có vốn góp của các cá nhân có liên quan với thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Bê tông Hamaco Hậu Giang		
Mua hàng hóa	9.749.166.541	1.652.443.750
Vay vốn	-	11.000.000.000
Công ty TNHH Đại Việt		
Mua hàng hóa	676.913.304	2.296.613.770
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Cửu Long		
Mua hàng hóa	32.454.240	10.010.000
Chi phí sửa chữa	22.900.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận được Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty dùng tài sản cố định hữu hình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Hàng Tiêu dùng Hamaco tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 4.480.796.400 VND (xem thuyết minh số V.10).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.6a, V.15, V.16, V.19, V.21a và V.22b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh vật liệu xây dựng. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh gas, dầu nhờn và sơn các loại,...doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ (3% trong tổng doanh thu). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

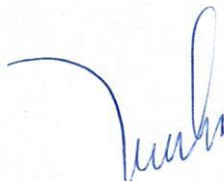

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2021


Lâm Thị Thu Hiền
Người lập

Lâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng

Mai Bảo Ngọc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22.911.752.598	830.874.789	27.285.240.921	120.986.236	320.660.000	51.469.514.544
Mua trong năm	-	35.000.000	4.985.768.273	-	-	5.020.768.273
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	14.960.220.235	-	-	-	-	14.960.220.235
Số cuối năm	37.871.972.833	865.874.789	32.271.009.194	120.986.236	320.660.000	71.450.503.052
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.760.479.164	830.874.789	12.295.765.647	83.442.600	-	26.970.562.200
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	16.317.808.385	812.376.050	18.774.155.772	104.300.180	129.261.833	36.137.902.220
Khấu hao trong năm	1.125.568.308	25.304.293	3.022.015.977	12.514.548	64.131.996	4.249.535.122
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.541.140)	-	-	-	-	(5.541.140)
Số cuối năm	17.437.835.553	837.680.343	21.796.171.749	116.814.728	193.393.829	40.381.896.202
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.593.944.213	18.498.739	8.511.085.149	16.686.056	191.398.167	15.331.612.324
Số cuối năm	20.434.137.280	28.194.446	10.474.837.445	4.171.508	127.266.171	31.068.606.850
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Lâm Thị Thu Hiền
Người lậpLâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Mai Bảo Ngọc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuê GTGT hàng bán nội địa	103.360.442	4.429.017.912	(4.099.488.583)	432.889.771
Thuê GTGT hàng nhập khẩu	-	343.237.912	(343.237.912)	-
Thuê thu nhập doanh nghiệp	460.614.771	5.021.176.720	(4.547.034.676)	934.756.815
Thuê thu nhập cá nhân	309.614.492	596.481.933	(641.906.576)	264.189.849
Thuê nhà đất	-	60.819.267	(60.819.267)	-
Tiền thuê đất	-	550.068.019	(550.068.019)	-
Các loại thuê khác	-	16.000.000	(16.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	581.372.838	(581.372.838)	-
Cộng	873.589.705	11.598.174.601	(10.839.927.871)	1.631.836.435

Lâm Thị Thu Hiền
Người lập

Lâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Mai Bảo Ngọc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 03: Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	199.300.403.177	2.064.154.381.341	-	(1.974.810.725.887)	288.644.058.631
Vay ngắn hạn các cá nhân	276.774.000	115.307.040	-	(392.081.040)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	2.940.000.000	-	2.940.000.000	(2.940.000.000)	2.940.000.000
Cộng	202.517.177.177	2.064.269.688.381	2.940.000.000	(1.978.142.806.927)	291.584.058.631

Lâm Thị Thu Hiền
Người lập

Lâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Mai Bảo Ngọc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	62.253.990.000	622.500.000	22.565.922.444	9.533.713.419	94.976.125.863
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	9.941.722.938	9.941.722.938
Trích lập các quỹ	-	-	4.490.398.611	(5.238.798.380)	(748.399.769)
Chia cổ tức	-	-	-	(8.093.018.700)	(8.093.018.700)
Chi thù lao, thưởng cho Hội đồng quản trị	-	-	-	(204.257.578)	(204.257.578)
Số dư cuối năm trước	62.253.990.000	622.500.000	27.056.321.055	5.939.361.699	95.872.172.754
Số dư đầu năm nay	62.253.990.000	622.500.000	27.056.321.055	5.939.361.699	95.872.172.754
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	15.287.188.482	15.287.188.482
Trích lập các quỹ	-	-	5.817.810.666	(6.787.445.777)	(969.635.111)
Chia cổ tức	-	-	-	(6.847.938.900)	(6.847.938.900)
Chi thù lao, thưởng cho Hội đồng quản trị	-	-	-	(162.921.249)	(162.921.249)
Số dư cuối năm nay	62.253.990.000	622.500.000	32.874.131.721	7.428.244.255	103.178.865.976

Lâm Thị Thu Hiền
Người lập

Lâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Mai Bảo Ngọc
Tổng Giám đốc